

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người cách ly y tế (F1) do đại dịch COVID-19 tại cơ sở cách ly y tế tạm thời thuộc các phường: Hiệp Hòa, Tân Hiệp, Hòa Bình của thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 12691/TTr-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Công văn số 12993/UBND-KTNS ngày 28 tháng 8 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 250/TTr-LĐTBXH ngày 27 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế (F1) do đại dịch Covid-19 tại cơ sở cách ly y tế tạm thời thuộc các phường: Hiệp Hòa, Tân Hiệp, Hòa Bình của thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ cho 126 người với kinh phí hỗ trợ là 163.600.000 đồng và hỗ trợ cho 12 trẻ em với kinh phí là 12.000.000 đồng.

Tổng kinh phí hỗ trợ là 175.600.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế (F1) được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



DANH SÁCH HỒ TRỢ CHO NGƯỜI CÁCH LY Y TẾ (F1) DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TẠI CƠ SỞ CÁCH LY Y TẾ TẠM THỜI
THUỘC CÁC PHƯỜNG: HIỆP HÒA, TÂN HIỆP, HÒA BÌNH CỦA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3022/QĐ-UBND ngày 01 / 9 /2021 của UBND tỉnh)

STT	STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị cách ly	Tiền ăn (80.000 đồng/ 1 ngày)	Hỗ trợ thêm 1 lần	Tổng tiền	Ghi chú
			Nam	Nữ								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	$(10) = (9) \times 80.000$	$(11) = 1.000.000đ / em bé dưới 16 tuổi$	$12 = (10) + (11)$	(13)
1. Phường Hiệp Hòa									1.286	102.880.000	0	102.880.000
1	1	Phan Phúc Hậu		11/6/1992	khu phố Tam Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
2	2	Lê Văn Nghĩa	22/4/1998		khu phố Tam Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
3	3	Nguyễn Minh Tâm	27/9/2000		khu phố Nhị Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
4	4	Hồ Quốc Khải	05/3/2005		khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
5	5	Bùi Thị Phương Thanh		17/02/2003	khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
6	6	Nguyễn Tuấn Anh	11/3/2004		khu phố Tam Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
7	7	Nguyễn Tấn Lộc	25/01/2005		khu phố Tam Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
8	8	Phạm Huỳnh Tú My		24/01/2004	khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	

9	9	Hồ Thị Cẩm Ngân		24/5/2003	khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
10	10	Phạm Hoàng Gia Bảo	11/3/2003		khu phố Tam Hoà	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
11	11	Huỳnh Anh Tài	16/3/2000		300/B3, khu phố Tam Hoà	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
12	12	Lê Nguyễn Anh Tú	19/5/2001		khu phố Tam Hoà	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
13	13	Nguyễn Minh Thuận	08/02/1998		khu phố Tam Hoà	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
14	14	Nguyễn Hoàng Minh		15/10/1997	khu phố Nhị Hoà	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
15	15	Lê Văn Tuấn	23/6/1999		khu phố Tam Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
16	16	Lý Quốc Cảnh	22/11/1994		khu phố 1, Phường Tân Vạn	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
17	17	Nguyễn Tấn Phúc		25/3/2000	Khu phố Tam Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
18	18	Đồng Cảnh Nhung		11/11/2002	phường Hiệp Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
19	19	Lê Minh Phương	29/5/2001		khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
20	20	Phạm Minh Đức	02/6/1993		khu phố 5, phường Long Bình	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
21	21	Đoàn Văn Tháo	01/8/1994		khu phố 12, phường An Bình	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
22	22	Trần Đức Sơn	20/10/1990		khu phố 11A, phường Tân Phong	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
23	23	Phạm Viết Khánh	13/02/1994		khu phố 6, phường Thống Nhất	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	
24	24	Lý Khánh Nhân	26/8/1996		Phường Hiệp Hòa	20/07/2021	03/08/2021	15	1.200.000		1.200.000	

25	25	Trần Minh Tấn	19/02/1978		khu phố 6, phường Tân Tiến	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
26	26	Hoàng Ngọc Phương	27/11/1981		khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
27	27	Triệu Ngọc Phước		17/3/1980	khu phố Nhị Hòa	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
28	28	Nguyễn Xuân Trường	08/01/1979		khu phố 3, Phường Tân Mai	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
29	29	Phạm Thị Mỹ Hạnh		28/5/1991	khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
30	30	Tổng Phạm Liên Hoa		03/9/1984	khu phố 3 phường Quang Vinh	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
31	31	Trần Thị Minh Phương		01/9/1987	khu phố Tam Hòa	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
32	32	Vì Thị Kim Hà		03/8/1974	khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
33	33	Võ Văn Trường	07/02/1988		khu phố Tam Hòa	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
34	34	Võ Thành Sơn	05/01/1966		khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
35	35	Lê Văn Tài	21/5/1967		khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
36	36	Nguyễn Thị Thu Thảo		08/01/1975	khu phố Nhị Hoà	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
37	37	Châu Văn Hiệp	03/01/1963		khu phố Nhị Hoà	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
38	38	Đặng Kim Thanh		04/12/1984	khu phố Tam Hòa	20/07/2021	06/08/2021	18	1.440.000	1.440.000	
39	39	Bồ Trọng Hiếu	02/4/1988		khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	08/08/2021	20	1.600.000	1.600.000	
40	40	Nguyễn Mạnh Hùng	25/12/1982		khu phố 5, phường Thống Nhất	20/07/2021	08/08/2021	20	1.600.000	1.600.000	
41	41	Nguyễn Minh Tuấn	28/9/1990		khu phố 5A, phường Trưng Dải	20/07/2021	08/08/2021	20	1.600.000	1.600.000	

42	42	Huỳnh Phước Lộc	30/01/1993			khu phố Nhất Hòa	20/07/2021	08/08/2021	20	1.600.000		1.600.000		F1 chuyển F0 ngày 24/7/2021
43	43	Giang Văn Hoàng	28/01/1988			khu phố Tam Hòa	20/07/2021	24/07/2021	5	400.000		400.000		F1 thành F0 chuyển BV ngày 26/7/2021
44	44	Nguyễn Văn Tuấn	27/6/1984			khu phố 5, P.Long Bình	20/07/2021	26/07/2021	7	560.000		560.000		
45	45	Nguyễn Thị Như Ý		12/9/1968		20a/3 khu phố Tam Hòa	11/7/2021	31/7/2021	21	1.680.000		1.680.000		
46	46	Trần Văn Lành	11/12/1972			14/23 khu phố Tam Hòa	11/7/2021	31/7/2021	21	1.680.000		1.680.000		
47	47	Lâm Minh Trí	5/4/1988			81C/1 khu phố Nhất Hòa	09/7/2021	31/7/2021	23	1.840.000		1.840.000		
48	48	Vũ Nguyễn Phi Long	08/6/1999			135/1 khu phố Nhất Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		
49	49	Ngô Phúc Thành	20/9/1990			43/2 khu phố Nhị Hòa	08/7/2021	31/7/2021	24	1.920.000		1.920.000		
50	50	Lê Thị Mai Phương		1973		29/1 khu phố Nhất Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		
51	51	Huỳnh Thị Châu		1944		29 khu phố Nhất Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		
52	52	Lê Cao Quý	10/3/1983			32/1 khu phố Nhất Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		
53	53	Lý Thị Hồng Ngọc		21/5/1983		313/3 khu phố Tam Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		
54	54	Văn Thị Bích Huyền		15/02/1972		Trạm y tế P.Hiệp Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		
55	55	Lý Thị Mai		17/8/1981		Trạm y tế P.Hiệp Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		
56	56	Cao Thị Lệ Thủy		11/11/1969		Trạm y tế P.Hiệp Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		
57	57	Lê Thị Phương Anh		15/10/1980		Trạm y tế P.Hiệp Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		
58	58	Nguyễn Thị Thanh Trà		14/01/1987		Trạm y tế P.Hiệp Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000		

59	59	Trần Thị Tình		20/11/1989	Trạm y tế P. Hiệp Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000	
60	60	Ngô Hoàng Bảo Châu		07/11/1972	9/1 Nhất Hòa	09/7/2021	31/7/2021	23	1.840.000		1.840.000	
61	61	Đoàn Thị Ngọc Đông		13/12/1982	236 tổ 1 khu phố Nhất Hòa	13/7/2021	31/7/2021	19	1.520.000		1.520.000	
62	62	Võ Quang Trí	08/8/1979		50 khu phố Nhị Hòa	14/7/2021	31/7/2021	18	1.440.000		1.440.000	
63	63	Phan Anh Thi	01/10/1987		18/2a khu phố Nhị Hòa	14/7/2021	31/7/2021	18	1.440.000		1.440.000	
64	64	Phan Linh Vương	24/10/1983		329 khu phố Tam Hòa	14/7/2021	31/7/2021	18	1.440.000		1.440.000	
65	65	Võ Văn Trí	25/6/1974		234 khu phố Tam Hòa	14/7/2021	31/7/2021	18	1.440.000		1.440.000	
66	66	Nguyễn Thanh Thảo		29/3/2004	29/1 khu phố Nhất Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000	
67	67	Nguyễn Thị Minh		24/9/1988	75/1 khu phố Nhất Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000	
68	68	Tăng Thy Phụng		19/9/1998	137c/1 khu phố Nhất Hòa	12/7/2021	31/7/2021	20	1.600.000		1.600.000	
69	69	Võ Nguyễn Bích Ngọc		15/3/1995	62D3, khu phố Nhị Hòa	21/7/2021	04/8/2021	15	1.200.000		1.200.000	
70	70	Lưu Thế Trường	16/02/1985		360/4/3, khu phố Nhị Hòa	22/7/2021	04/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
71	71	Đinh Minh Thành	30/01/1993		19/3, khu phố Tam Hoà	22/7/2021	04/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
72	72	Nguyễn Hoàng Trúc Mai		23/7/1988	64/2, khu phố Nhị Hòa	22/7/2021	04/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
73	73	Huỳnh Ngọc Tân	15/01/1991		22H/1, khu phố Nhất Hòa	22/7/2021	04/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
74	74	Huỳnh Văn Bé	1950		22H/1, khu phố Nhất Hòa	22/7/2021	04/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
75	75	Trần Thị Ba		1954	22H/1, khu phố Nhất Hòa	22/7/2021	04/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	

2. Phường Tân Hiệp										303	24.240.000	1.000.000	25.240.000	
76	1	Nguyễn Đình Ngọc Tuấn	1991		E14A, tổ 14, Khu phố 1, Tân Hiệp	13/07/2021	26/07/2021	14	1.120.000		1.120.000		1.120.000	
77	2	Nguyễn Thị Ngọc		1988	83/4X, tổ 15 B, khu phố 1A, Tân Hiệp	13/07/2021	26/07/2021	14	1.120.000		1.120.000		1.120.000	
78	3	Thái Thị Quảng		1973	21/95, tổ 10, khu phố 1 A, Tân Hiệp	13/07/2021	26/07/2021	14	1.120.000		1.120.000		1.120.000	
79	4	Trần Thị Diễm Hương		1993	47H, tổ 15, khu phố 4, Tân Hiệp	13/07/2021	26/07/2021	14	1.120.000		1.120.000		1.120.000	
80	5	Lê Thị Kiều		1997	Hẻm 131, khu phố 4, Tân Hiệp	13/07/2021	26/07/2021	14	1.120.000		1.120.000		1.120.000	
81	6	Trần Thị Như Mỹ		1982	38/35, Khu phố 4, Tân Hiệp	13/07/2021	26/07/2021	14	1.120.000		1.120.000		1.120.000	
82	7	Nguyễn Thị Thủy		1989	38/46, Khu phố 4, Tân Hiệp	13/07/2021	26/07/2021	14	1.120.000		1.120.000		1.120.000	
83	8	Trần Tuấn Nguyễn	1994		Nhà trọ 43, Tổ 2, khu phố 3	20/7/2021	06/08/2021	18	1.440.000		1.440.000		1.440.000	
84	9	Nguyễn Thanh Hữu	1989		Nhà trọ 43, Tổ 2, khu phố 3	20/7/2021	06/08/2021	18	1.440.000		1.440.000		1.440.000	
85	10	Vì Văn Hợp	1989		Hẻm 3, tổ 8, khu phố 3	21/7/2021	06/08/2021	17	1.360.000		1.360.000		1.360.000	
86	11	Nguyễn Thanh Hiến	1999		Hẻm 3, tổ 8, khu phố 3	21/7/2021	06/08/2021	17	1.360.000		1.360.000		1.360.000	
87	12	Nguyễn Thành Đạt	1993		Nhà trọ Tổ 7, khu phố 5	19/7/2021	06/08/2021	19	1.520.000		1.520.000		1.520.000	
88	13	Nguyễn Thị Thùy Nga		1991	Nhà trọ Tổ 7, khu phố 5	19/7/2021	06/08/2021	19	1.520.000		1.520.000		1.520.000	
89	14	Lê Thị Thanh Thủy		1976	E19, Tổ 12, khu phố 5	19/7/2021	06/08/2021	19	1.520.000		1.520.000		1.520.000	
90	15	Trần Thị Hạnh		1978	D12A, tổ 12, khu phố 5	19/7/2021	06/08/2021	19	1.520.000		1.520.000		1.520.000	
91	16	Lê Thị Thu Ngân		1990	D75, tổ 14, khu phố 5	18/7/2021	06/08/2021	20	1.600.000		1.600.000		1.600.000	

92	17	Nguyễn Thị Lâm		1984		14, 16, 6, khu phố 4	18/7/2021	06/08/2021	20	1.600.000		1.600.000	
93	18	Nguyễn Thành Công	2020			Nhà trọ Tò 7, khu phố 5	19/7/2021	06/08/2021	19	1.520.000	1.000.000	2.520.000	Trẻ em

3. Phường Hòa Bình

94	1	Nguyễn Thị Hoa		1998		293/6 khu phố 5	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
95	2	Nguyễn Văn Thuận	1991			293/6 khu phố 5	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
96	3	Đỗ Thái Mỹ	1983			293/61 khu phố 5	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
97	4	Huỳnh Thị Thanh Thúy		1983		79/86 khu phố 3	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
98	5	Phan Ngọc Phương		1973		22 HVL khu phố 1	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
99	6	Lưu Thị Tuyết Mai		1968		khu phố 2	14/7/2021	21/07/2021	8	640.000		640.000	F0 Chuyển tuyển trên ngày 21/7
100	7	Phùng Thị Ngọc Lan		1992		79/55 khu phố 3	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
101	8	Lê Thị Thu Nga		1970		79/55 khu phố 3	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
102	9	Huỳnh Thị Dung		1963		15/33 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
103	10	Vũ Thị Thanh		1984		523/16 khu phố 5	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
104	11	Nguyễn Văn Lộc	1977			523/16 khu phố 5	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
105	12	Trần Thị Triệu		1971		15/82 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
106	13	Trương Kim		1970		15/82 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
107	14	Trần Kim Xuyên		1958		15/82 khu phố 3	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
									456	36.480.000	11.000.000	47.480.000	

108	15	Nguyễn Thị Thanh Lộc		1985	15/82 khu phố 3	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
109	16	Nguyễn Thị Thảo Hiền		1988	47/16 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
110	17	Trần Thị Thu Vân		1977	29/18 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
111	18	Hồ Thị Cúc		1978	47/14 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
112	19	Đoàn Thanh Phượng		1983	29/19 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
113	20	Lâm Bích Trâm		1990	47/19 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
114	21	Nguyễn Thị Anh Thư		1985	163/51 CMT8 khu phố 3	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
115	22	Nguyễn Thu Nhung		1983	163/13 khu phố 3	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000		1.120.000	
116	23	Phạm Minh Trí	2020		163/51 CMT8 khu phố 3	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
117	24	Trịnh Ngọc Trúc Anh		2020	47/19 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
118	25	Nguyễn Chí Khang	2012		29/19 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
119	26	Nguyễn Chí Bảo	2006		29/19 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
120	27	Nguyễn Phạm Quỳnh Như		2011	47/16 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
121	28	Phạm Bảo Long	2012		47/16 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
122	29	Dương Đông Nghi		2014	29/18 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
123	30	Huỳnh Hữu Lộc	2014		47/14 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
124	31	Nguyễn Hồng Bảo An		2016	15/82 khu phố 2	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em

125	32	Nguyễn Huy Quân	2009		523/16 khv phố 5	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
126	33	Nguyễn Hữu Phước	2017		523/16 khu phố 5	14/7/2021	27/7/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	Trẻ em
TỔNG CỘNG											175.600.000	

Tổng kinh phí hỗ trợ: 175.600.000 đồng
(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn)



Võ Văn Phi

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH